

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRẦN ANH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRẦN ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAN ANH DEVELOPMENT TECHNOLOGY AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRAN ANH DETETRA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107731771

3. Ngày thành lập: 21/02/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, ngõ 53, đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
10.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
12.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
13.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
14.	Quảng cáo (Loại Nhà nước cho phép)	7310
15.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại Nhà nước cho phép)	7320
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

17.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại Nhà nước cho phép)	7490
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
20.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
21.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
22.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
23.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
24.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530(Chính)
25.	Tái chế phế liệu	3830
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
27.	Lập trình máy vi tính	6201
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Cổng thông tin	6312
31.	Đại lý du lịch	7911
32.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
33.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
34.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
35.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
36.	Thu gom rác thải độc hại	3812
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
39.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
40.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
41.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
43.	Bán mô tô, xe máy	4541
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại Nhà nước cho phép)	4620
48.	Bán buôn gạo	4631

49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán buôn đồ uống	4633
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
52.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
54.	Điều hành tua du lịch	7912
55.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
57.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
58.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
59.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
61.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
62.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
63.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
65.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
66.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
67.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
68.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
69.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
70.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
71.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
72.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
73.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
74.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
75.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Xây dựng nhà các loại	4100
81.	Phá dỡ	4311
82.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
83.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
84.	(Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THUY LINH	Xóm 3, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	14.000	1.400.000.000	20,000	036196000746	
			Tổng số	14.000	1.400.000.000	20,000		
2	TRẦN TUẤN ANH	Xóm 3, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	42.000	4.200.000.000	60,000	162948793	
			Tổng số	42.000	4.200.000.000	60,000		
3	VŨ THỊ HỒNG DIỆP	Xóm 12, Xã Hải Anh, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	14.000	1.400.000.000	20,000	162948883	
			Tổng số	14.000	1.400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162948793

Ngày cấp: 22/12/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P612, nhà CT3C-X2, KĐT Bắc Linh Đàm mở rộng, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội